

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2017

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Hồng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu K, sinh năm 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở: Ngõ 5A, đường K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lưu V, sinh năm 1976

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở: Ngõ 5A, đường K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Dương P. Có mặt.

2. Anh Lâm K. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ngõ 5A, đường K, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Chị Triệu Thị T. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có

mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu K trình bày:

Chị K và anh Lưu V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2008. Sau khi kết hôn, do chưa có điều kiện nên hai vợ chồng thuê nhà chung sống ở nhiều nơi tại thành phố L. Đến năm 2011, vợ chồng chị xây nhà tại ngõ 5A, đường K, phường C, thành phố L và chuyển về đây sinh sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng mỗi khi uống rượu say, anh V hay mắng chửi chị nhưng vì các con nên chị vẫn bỏ qua cho anh V. Đến năm 2012, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh V thường xuyên uống rượu say, mắng chửi và đánh chị. Trong năm 2016, anh V bỏ nhà đi hai lần với lý do đi làm thuê, mỗi lần khoảng 40 ngày mới về nhà nhưng không thấy mang tiền về để giúp chị nuôi con. Ngày mùng 01 tết Nguyên đán năm 2017, do chị phải đi làm ca đêm, anh V nghi ngờ chị đi ngoại tình nên đã đánh chị, chị Hoàng Thị T là hàng xóm sang can ngăn nhưng bị anh V đuổi về. Do không thể tiếp tục chung sống với anh V nên ngày 01/6/2017, chị K đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó chuyển đến ở tại nhà của anh trai, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lưu V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là Lưu M, sinh ngày 10/7/2008 và Lưu Đức V, sinh ngày 03/12/2010 hiện nay các con đang ở cùng chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chứng cứ của chị Triệu K cung cấp cho Tòa án bao gồm: Bản chính giấy chứng nhận kết hôn giữa anh Lưu V và chị Triệu K, bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Triệu K, bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Lưu V, bản sao giấy khai sinh mang tên Lưu M, bản sao giấy khai sinh mang tên Lưu Đức V, bản photo và bản sao sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Triệu Văn H, bản photo sổ hộ khẩu gia đình mang tên chủ hộ Lưu V, bản sao sổ tạm trú mang tên chủ hộ Lưu V.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Lưu V trình bày:

Sau một thời gian tìm hiểu, anh và chị Triệu K tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn năm 2008. Trong quá trình chung sống, anh V thừa nhận bản thân hay uống rượu và được đánh chị K 02 lần do nghi ngờ chị K ngoại tình. Từ ngày 01/6/2017 chị K cùng các con đã

bỏ đi nơi khác thuê nhà trọ sinh sống. Từ khi chị K bỏ đi, anh V đã 02 lần đến nhà bố mẹ đẻ của chị K để xin lỗi và tìm cách đón chị K về nhưng chị K không về. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên chị K yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh V yêu cầu vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con.

Về con chung: Anh và chị K có 02 (hai) con chung là Lư M, sinh ngày 10/7/2008 và Lư Đức V, sinh ngày 03/12/2010 hiện đang ở với chị K. Trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn, anh nhất trí để chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con. Anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình vì hiện nay anh không có việc làm ổn định nên không đưa ra được mức cấp dưỡng cụ thể.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Chứng cứ anh Lư V cung cấp cho Tòa án: Không có.

Người làm chứng do nguyên đơn yêu cầu Tòa án đưa vào tham gia tố tụng là bà Dương P, anh Lâm K, chị Triệu Thị T trong các lời khai và tại phiên tòa trình bày: Trong quá trình chị K và anh V chung sống tại địa phương, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau, hàng xóm đã nhiều lần can ngăn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh V thường xuyên uống rượu say và đánh chửi chị K. Quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh V đến nay đã trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Chị Triệu K và anh Lư V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 13/6/2008. Vợ chồng đã ly thân từ ngày 01/6/2017. Chị K và anh V có 02 (hai) con chung là Lư M, sinh ngày 10/7/2008 và Lư Đức V, sinh ngày 03/12/2010 hiện đang ở với chị K. Khi ly hôn, chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, anh V đồng ý và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo khả năng của mình. Chị K và anh V tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Các tình tiết các bên không thống nhất: Chị Triệu K yêu cầu ly hôn. Anh Lư V không nhất trí, yêu cầu vợ chồng đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, tiến hành lập hồ sơ, xác định quan hệ pháp luật, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định. Hội đồng xét xử đảm bảo đúng thành phần, tuân thủ nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa. Thư ký đã

thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa theo quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người làm chứng đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 78 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Triệu K. Giao 02 con chung là Lưu M, sinh ngày 10/7/2008 và Lưu Đức V, sinh ngày 03/12/2010 cho chị Triệu K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành, đó cũng là nguyện vọng của cháu Lưu M. Anh Lưu V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị K không yêu cầu. Anh V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ: không có. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn và những người tham gia tố tụng khác, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Triệu K khởi kiện yêu cầu ly hôn và được quyền trực tiếp nuôi con, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lưu V có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn nhưng có đăng ký tạm trú tại ngõ 5A, đường K, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo cho các đương sự yêu cầu viết bản khai theo quy định, cung cấp tài liệu chứng cứ và tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Triệu K, anh Lưu V thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu K và anh Lưu V là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn ngày 13/6/2008. Sau khi kết hôn, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Lưu V thường xuyên uống rượu say, đánh chửi chị K. Từ ngày 01/6/2017, chị Triệu K đã bỏ đi khỏi nhà, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến công việc, cuộc sống của nhau.

[4] Xét yêu cầu của bị đơn: Anh Lưu V cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, không có mâu thuẫn gì nhưng từ khi chị K bỏ nhà đi anh V cũng không có biện pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị K và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị Triệu K đưa ra là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Triệu K và anh Lưu V có 02 (hai) con chung là Lưu M, sinh ngày 10/7/2008 và Lưu Đức V, sinh ngày 03/12/2010, hiện hai con đang ở với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V có ý kiến trong trường hợp vợ chồng phải ly hôn anh nhất trí để chị Triệu K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của chị Triệu K về nuôi con là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 (hai) con chung là Lưu M, sinh ngày 10/7/2008 và Lưu Đức V, sinh ngày 03/12/2010 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, đây cũng là nguyện vọng của cháu Lưu M. Chị K không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Triệu K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Triệu K được ly hôn với anh Lưu V.
2. Về con chung: Giao cháu Lưu M, sinh ngày 10/7/2008 và Lưu Đức V, sinh ngày 03/12/2010 cho chị Triệu K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh Lưu V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Về án phí: Chị Triệu K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Triệu K đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/03210 ngày 14 tháng 6 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.
6. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu K, anh Lưu V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP Lạng Sơn;
- UBND xã Thiện Thuật, H. Bình Gia;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Văn Duy